

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 384/2024/HS-ST

Ngày: 12-8-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hậu.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Huỳnh Trường Sơn.

2. Bà Võ Thị Nam.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Bùi Huy Phúc.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Trần Nguyễn Phương Thùy - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 8 năm 2024, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa trực tiếp xét xử công khai vụ án hình sự thụ lý số 534/TLST-HS ngày 15/7/2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 4182/2024/QĐXXST-HS ngày 29/7/2024, đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Nguyễn L**; Tên gọi khác: Q; Sinh năm 1988 tại Thành phố Hồ Chí Minh; Giới tính: Nam; Nơi đăng ký thường trú: Số F T, phường P, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh; Nơi cư trú: Căn hộ D, chung cư C, đường M, khu phố F, phường H, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: Lớp 7/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông Nguyễn S và bà Dương Thị Lệ H; Chưa có vợ con; Tiền sự: Không.

Tiền án: Ngày 28/9/2018 bị Tòa án nhân dân Quận 1 xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, theo Bản án số 149/2018/HSST. Bị cáo chấp hành xong hình phạt tù ngày 30/11/2019, chưa nộp án phí.

Nhân thân:

- Ngày 25/11/2011 bị Tòa án nhân dân Quận 2, nay là thành phố Thủ Đức xử phạt 03 năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, theo Bản án số 123/2011/HSST.

- Ngày 26/12/2011, bị Tòa án nhân dân Quận 9, nay là thành phố Thủ Đức xử phạt 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, theo Bản án số 174/2011/HSST.

- Ngày 16/4/2021 bị Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức ra quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, theo Quyết định số 210/2021/QĐ-TA.

Bị bắt, tạm giam từ ngày 27/10/2023 đến nay; có mặt.

2. Họ và tên: **Nguyễn Ngọc Phương Q1**; Tên gọi khác: S1; Sinh năm 2002 tại Thành phố Hồ Chí Minh; Giới tính: Nữ; Nơi đăng ký thường trú: Số A đường T, phường H, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh; Nơi cư trú: Căn hộ D, chung cư C, đường M, khu phố F, phường H, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: Lớp 9/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông Nguyễn Trung H1 và bà Nguyễn Thị Bích P; Chưa có chồng con; Tiền án; tiền sự: Không.

Bị bắt, tạm giam từ ngày 27/10/2023 đến nay; có mặt.

3. Họ và tên: **Nguyễn Trung H2**, sinh năm 1996 tại Thành phố Hồ Chí Minh; Giới tính: Nam; Nơi đăng ký thường trú: Số A đường T, phường H, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh; Nơi cư trú: Căn hộ D, chung cư C, đường M, khu phố F, phường H, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: Lớp 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông Nguyễn Trung H1 và bà Nguyễn Thị Bích P; Chưa có vợ, con; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị bắt, tạm giam từ ngày 27/10/2023 đến nay; có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn L:

Ông Nguyễn Trung C là Luật sư của Công ty L1, thuộc [HYPERLINK \l "link" \o "Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh"](#)Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh; có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Ngọc Phương Q1:

Bà Trần Thị Huy C1 là Luật sư của Công ty L2, thuộc [HYPERLINK \l "link" \o "Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh"](#)Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh; có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Nguyễn Chí T, sinh năm 1998; Nơi cư trú: 25/3/2 V, phường L, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, vắng mặt.

2. Phan Quốc K, sinh năm 1998; Nơi cư trú: 19B Đường I, phường H, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lúc 22 giờ 15 phút ngày 27/10/2023, tại khu vực trước Chung cư C, đường M, Khu phố F, phường H, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Nguyễn L và Nguyễn Ngọc Phương Q1 bị Công an thành phố Thủ Đức kiểm tra, thu giữ 01 hộp giấy ghi chữ DAREU đựng 01 túi nylon màu hồng, bên trong có 02 gói nylon chứa tinh thể không màu, là ma túy ở thể rắn, có tổng khối lượng 71,95 gam, loại Methamphetamine.

Khám xét chỗ ở của Nguyễn L và Q1 tại căn hộ D, chung cư C, đường M, Khu phố F, phường H, thành phố Thủ Đức thì Nguyễn L t giao nộp 01 gói nylon in chữ NIKE chứa tinh thể không màu, là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 17,8005 gam, loại Methamphetamine. L khai số ma túy này L cất giữ riêng để sử dụng cá nhân, Q1 không biết về khối lượng ma túy này (bút lục: 84, 85).

Thời điểm khám xét chỗ ở của Nguyễn L và Q1 thì có Nguyễn Trung H2 là anh trai của Q1 cùng ở trong căn hộ. H2 tự nguyện giao nộp 03 gói nylon chứa tinh thể không màu, là ma túy ở thể rắn, có tổng khối lượng 0,2662 gam, loại Methamphetamine. H2 khai số ma túy này H2 xin của Nguyễn L để sử dụng, nhưng H2 chưa sử dụng (bút lục: 86, 87, 415- 417).

Tất cả vật chứng là ma túy thu giữ đã được giám định, thể hiện tại Kết luận giám định số 12039/KL-KTHS, ngày 03/11/2023 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh (bút lục: 152). Kết quả điều tra xác định: Khoảng 16 giờ ngày 27/10/2023, Nguyễn L nhờ Nguyễn Ngọc Phương Q1 mở liên lạc của T1 (không rõ lai lịch) trên ứng dụng Telegram từ điện thoại của Q1 để L trực tiếp liên lạc, đặt mua của T1 24.000.000 đồng ma túy đá. Tỷ hẹn L đến tại số H - H Đường số F, phường A, quận B để giao nhận ma túy, nên L nói Q1 đặt xe ô tô ứng dụng Grab để cùng nhau đến điểm hẹn để gặp T1. T1 đưa L và Q1 đến nhà số D, đường T, Khu phố H, phường A, quận B và khi vào nhà thì Q1 ra phía sau nhà đi vệ sinh, còn L thì theo T1 vào phòng. Tỷ cho L xem 01 gói nylon chứa tinh thể không màu và sau khi kiểm tra đúng là ma túy đá thì L xin 2 túi nylon rộng để chia ra làm 2 gói, rồi bỏ vào hộp giấy ghi chữ DAREU. Tại đây L trả tiền cho T1 bằng hình thức chuyển tiền trực tuyến 3 lần đến tài khoản số 0777795599 tên Chau Thai H3 - Ngân hàng Q2 (M1). Lần thứ nhất Nguyễn L chuyển 9.000.000 đồng từ tài khoản 09028318232-TPBank tên Nguyễn Ngọc Phương Q1, lần thứ hai L chuyển 7.000.000 đồng (phí chuyển 48.600 đồng) từ ví Z - M1 do Q1 sử dụng và lần thứ ba khi Q1 vào phòng thì L nhờ Q1 chuyển 4.000.000 đồng từ tài khoản 09028318232 mở tại T6. Số tiền còn lại là 4.000.000 đồng thì L nợ (bút lục 108, 109, 117, 244; 380- 384, 401- 409). Ngoài ra, trước ngày bị bắt khoảng 01 tháng thì Nguyễn L đã mua ma túy của T1 đem về chiết nhỏ ra để bán lẻ, với phương thức người mua gặp trực tiếp L để nhận ma túy, trả tiền mặt hoặc chuyển khoản. Khối lượng chất ma túy L mua của Tỷ lần này thì L không nhớ,

nhưng xác định được các đối tượng mua ma túy của L gồm: - Khoảng đầu tháng 10/2023 (không nhớ ngày) L có bán cho Nguyễn Chí T và Phan Quốc K 500.000 đồng ma túy đá. L là người trực tiếp giao ma túy cho T và T đã sử dụng hết số ma túy này tại khách sạn P2, số B Q, phường H, thành phố Thủ Đức. Ngày 27/10/2023, T và K tiếp tục hùn tiền đặt mua ma túy của L, lần mua này T đã chuyển khoản cho L 500.000 đồng. Khi T đến sảnh Chung cư C đường M để nhận ma túy, nhưng chưa nhận được thì bị Công an phát hiện (bút lục 347, 348, 365-367).- Cũng trong ngày 27/10/2023, Trần Nhật T2 liên hệ hỏi mua của Nguyễn L 300.000 đồng ma túy đá thì L nói hết hàng, nhưng sau đó L điện thoại hẹn T2 đến tại trước Chung cư C để bán. T2 vừa đến và chưa giao dịch mua bán ma túy với L thì cũng bị Công an phát hiện. Kết quả xác minh: Nhà số D Tỉnh Lộ 10, Khu phố H, phường A, quận B do ông Châu Duy T3 làm chủ hộ, ông T3 có con trai tên Châu Thái H4, sinh năm 1998, nhưng H4 không ở cùng nhà mà đăng ký hộ khẩu thường trú tại 1, Đường C tháng B, Phường A, Quận A. Kết quả xác minh thì Châu Thái H4 không sinh sống tại số A Đường C tháng B, Phường A, Quận A và ngày 30/01/2024 H4 bị Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh ra Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc tại Cơ sở cai nghiện ma túy số 1. Châu Thái H4 khai khoảng giữa năm 2022 có sử dụng thông tin cá nhân để mở tài khoản số 0777795599 tại Ngân hàng M2 dùng cho bạn có tên là H5, nhưng H4 không rõ lai lịch của H5. Sau khi mở tài khoản thì H4 giao ngay thông tin tài khoản cho H5 sử dụng hoàn toàn, nên H4 không biết thông tin giao dịch của số tài khoản này. Cơ quan điều tra thu thập ảnh của Châu Thái H4, tiến hành cho Nguyễn L và Nguyễn Ngọc Phương Q1 nhận dạng, kết quả: L và Q1 xác nhận không biết người trong ảnh và người trong ảnh không phải là T1 đã bán ma túy cho L (bút lục: 127, 246, 247; 253- 260). **Vật chứng thu giữ:-** Thu giữ của Nguyễn L: + 01 gói giấy chứa tinh thể không màu, là ma túy còn lại sau giám định, niêm phong có chữ ký giám định viên Đại úy Phạm Huỳnh Minh T4 và cán bộ Nguyễn Thị Phương M; ký hiệu: 12039/(2346/23)G1; + 01 gói giấy chứa tinh thể không màu, là ma túy còn lại sau giám định, niêm phong có chữ ký giám định viên Đại úy Phạm Huỳnh Minh T4 và cán bộ Nguyễn Thị Phương M; ký hiệu: 12039/(2346/23)G2; + 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu đen, số Imei 1: 353164114037895, số Imei 2: 353164114537894, số thuê bao 0931478975 và 0902831823; + 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy S10+ màu đen, số Imei; 355410100893470, số thuê bao 0777740251 và 0929313129; L dùng để liên lạc mua bán trái phép chất ma túy;

+ 01 hộp giấy bên ngoài có ghi chữ DAREU; 01 hộp bằng giấy hình chữ nhật ghi chữ “LUA” MONACO; 01 cân điện tử có in chữ POWER CR2032; 01 bộ dụng cụ để sử dụng ma túy tự chế bằng thủy tinh; 20 gói nylon rỗng; 01 nhíp bằng kim loại màu hồng; 02 kéo nhỏ bằng kim loại; 02 ống hút nhựa cắt nhọn 01 đầu.

- Thu giữ của Nguyễn Ngọc Phương Q1:

+ 01 điện thoại di động hiệu Iphone, màu xanh, số Imei: 359984543445052, số thuê bao 0979489498;

- Thu giữ của Nguyễn Trung H2:

+ 01 gói giấy chứa tinh thể không màu, là ma túy còn lại sau giám định, niêm phong, có chữ ký giám định viên Đại úy Phạm Huỳnh Minh T4 và cán bộ Nguyễn Thị Phương M; ký hiệu: 12039/(2346/23)G3;

+ 01 điện thoại di động hiệu Samsung màu đen, số imei: 353552/68/481728/4 số thuê bao 0946793354;

+ 01 hộp thiếc có dây kéo màu đỏ bên ngoài có ghi chữ Love;

+ 01 bộ dụng cụ để sử dụng ma túy tự chế bằng nhựa.

Bản cáo trạng số 393/CT-VKSTPHCM-P1 ngày 04/7/2024 của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố bị cáo Nguyễn L về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” và “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, theo điểm b khoản 3 Điều 251 và điểm g khoản 2 Điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017; Truy tố Nguyễn Ngọc Phương Q1 về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm b khoản 3 Điều 251 và truy tố Nguyễn Trung H2 về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa:

Các bị cáo khai nhận đã thực hiện hành vi phạm tội như đã nêu.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận đã thực hiện những hành vi như bản Cáo trạng của Viện kiểm sát mô tả, phù hợp với kết luận giám định và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó, Viện kiểm sát truy tố bị cáo Nguyễn L về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” và “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm b khoản 3 Điều 251 và điểm g khoản 2 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017; truy tố bị cáo Nguyễn Ngọc Phương Q1 về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm b khoản 3 Điều 251 và truy tố bị cáo Nguyễn Trung H2 về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật này là có căn cứ, đúng tội.

Bị cáo Lâm giữ vai trò chủ mưu, liên hệ mua và phân chia ma túy để bán lại nhiều lần nên bị cáo L bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Phạm tội 02 lần trở lên” theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Bị cáo Nguyễn L đã bị Tòa án nhân dân Quận 1 xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, chưa được xóa án tích nhưng tiếp tục phạm tội mới. Do đó, bị cáo L bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Tái phạm” quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo Q1 và bị cáo H2 có nhân thân tốt, riêng bị cáo Nguyễn Trung H2 thì trước khi Công an mời làm việc đã tự nguyện giao nộp lượng ma túy tàng trữ nên có thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật này.

Về hình phạt bổ sung: Xét bị cáo Nguyễn L không có khả năng thi hành hình phạt bổ sung, còn bị cáo Q1 chỉ có vai trò giúp sức cho bị cáo L mua bán ma túy và bị cáo H2 chỉ xin ma túy từ bị cáo L để sử dụng, nên đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát đề nghị như sau:

- Áp dụng điểm b khoản 3 Điều 251 và điểm g khoản 2 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Nguyễn L từ 17 năm đến 18 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”; xử phạt từ 06 năm đến 07 năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo L phải chấp hành hình phạt chung từ 23 năm đến 25 năm tù.

- Áp dụng điểm b khoản 3 Điều 251, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc Phương Q1 từ 15 năm đến 16 năm tù.

- Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Nguyễn Trung H2 từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị Tòa tịch thu tiêu hủy toàn bộ số ma túy và các đồ vật liên quan đến hành vi mua bán trái phép chất ma túy; tịch thu sung công đối với các điện thoại thu giữ của các bị cáo L và Q1.

Về biện pháp tư pháp: Đề nghị tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước đối với số tiền 500.000 đồng mà bị cáo L nhận mua bán ma túy cho Nguyễn Chí T và Phan Quốc K.

Luận cứ của Luật sư Nguyễn Trung C bào chữa cho bị cáo Nguyễn L như sau:

Thống nhất với Cáo trạng của Viện kiểm sát về tội danh và khung hình phạt áp dụng đối với bị cáo. Tuy nhiên, mức án đề nghị đối với bị cáo L là quá nghiêm khắc, bởi lẽ: Bị cáo L đã khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải; khối lượng ma túy 71 gam chưa được phát tán nên hậu quả của hành vi phạm tội mà bị cáo gây ra là chưa xảy ra; khối lượng chất ma túy mà bị cáo tàng trữ là khá ít; bị cáo chỉ thu lợi bất chính 500.000 đồng, nhưng chưa sử dụng nên đề nghị Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung cho bị cáo và giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo L.

Bị cáo L thống nhất với luận cứ của Luật sư và không trình bày lời bào chữa bổ sung.

Luận cứ của Luật sư Trần Thị Huy C1 bào chữa cho bị cáo Nguyễn Ngọc Phương Q1 như sau:

Mức án mà Đại diện Viện kiểm sát đề nghị đối với bị cáo Q1 là có phần nghiêm khắc, bởi lẽ: Bị cáo Q1 chỉ có vai trò đồng phạm giúp sức cho bị cáo L, nhưng bị cáo Q1 không biết bị cáo L mua ma túy để bán lại, mà chỉ biết bị cáo L có sử dụng trái phép chất ma túy; Quá trình phạm tội, bị cáo L cũng không bàn bạc, không phân công nhiệm vụ và bị cáo Q1 cũng không hưởng lợi từ hành vi phạm tội của bị cáo L; Bị cáo Q1 và bị cáo L có quan hệ về mặt tình cảm nên hành vi phạm tội của bị cáo Q1 có phần phụ thuộc vào bị cáo L; Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Q1 thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và nhận thức có phần hạn chế, nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự để tuyên bị cáo mức thấp nhất của khung hình phạt.

Bị cáo Q1 thống nhất với luận cứ của Luật sư và không trình bày lời bào chữa bổ sung.

Bị cáo Nguyễn Trung H2 không trình bày lời bào chữa; Bị cáo Nguyễn L và bị cáo Nguyễn Ngọc Phương Q1 không trình bày lời bào chữa bổ sung.

Đại diện Viện kiểm sát tranh luận, đối đáp với các Luật sư như sau:

- Bị cáo L có 2 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nên Viện kiểm sát đã cân nhắc đề nghị mức hình phạt phù hợp cho bị cáo L.

- Bị cáo Q1 đã có hành vi giúp sức cho bị cáo L mua bán trái phép chất ma túy, nên Viện kiểm sát đã cân nhắc đề nghị mức thấp nhất của khung hình phạt cho bị cáo Q1. Bị cáo Q1 chỉ có một tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự nên không có cơ sở áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự cho bị cáo.

Luật sư C1 đối đáp tranh luận với đại diện Viện kiểm sát như sau:

Bị cáo Q1 đã giúp sức tích cực giúp Cơ quan điều tra làm sáng tỏ vụ án nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng thêm điểm t khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát tranh luận, đối đáp với Luật sư C1 như sau:

Các bị cáo bị bắt người phạm tội quả tang và các bị cáo không khai được nhân thân, chỗ ở của T1 để Cơ quan điều tra truy bắt T1, nên không có căn cứ áp dụng điểm t khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát và các Luật sư đều bảo lưu ý kiến đã tranh luận và không tranh luận nội dung nào khác.

Các bị cáo không tranh luận với đại diện Viện kiểm sát và trong lời nói sau cùng các bị cáo đều đề nghị Tòa giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng và của người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng và của người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Căn cứ lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra và tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả giám định và các chứng cứ mà Cơ quan điều tra thu thập được, có đủ căn cứ để xác định: 71,95 gam chất ma túy, loại Methamphetamine mà bị cáo Nguyễn L để trong 01 hộp giấy ghi chữ DAREU, bị Công an thành phố Thủ Đức phát hiện, thu giữ vào lúc 22 giờ 15 phút ngày 27/10/2023, tại khu vực trước Chung cư C, đường M, Khu phố F, phường H, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh là ma túy của bị cáo Nguyễn L và bị cáo Nguyễn Ngọc Phương Q1 mua của người có tên T1 để bán lại cho Trần Nhật T2. Hành vi của Nguyễn L và Nguyễn Ngọc Phương Q1 đã đủ yếu tố cấu thành tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm b khoản 3 Điều 251 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Khối lượng chất ma túy 17,8005 gam, loại Methamphetamine mà bị cáo Nguyễn L tự nguyện giao nộp khi Công an thành phố Thủ Đức khám xét căn hộ D, chung cư C, đường M, Khu phố F, phường H, thành phố Thủ Đức là ma túy của bị cáo Nguyễn L mang về cất giữ để sử dụng; 0,2662 gam chất ma túy, loại Methamphetamine mà bị cáo Nguyễn Trung H2 tự nguyện giao nộp khi Công an thành phố Thủ Đức khám xét căn hộ trên là của bị cáo Nguyễn Trung H2 xin của bị cáo Nguyễn L để sử dụng. Hành vi của bị cáo Nguyễn L đã phạm vào tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm g khoản 2 Điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017; hành vi của bị cáo Nguyễn Trung H2 đã phạm vào tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật này.

[3] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Ngoài khối lượng chất ma túy mà bị cáo Nguyễn L mua của tên T1 để bán lại cho Trần Nhật T2 trong vụ án này thì trước đó bị cáo đã mua ma túy của người khác để bán lại cho Nguyễn Chí T và Phan Quốc K. Bị cáo Nguyễn L bị Tòa án nhân dân Quận 1 xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, theo Bản án số 149/2018/HSST, bị cáo chưa chấp hành xong bản án. Do đó lần phạm tội này bị cáo đã phạm vào 02 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Phạm tội 02 lần trở lên” và “Tái phạm”, theo quy định tại điểm g, h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo khai báo rõ ràng, thành khẩn nhận tội và tỏ ra ăn năn hối hận với hành vi phạm tội của mình, nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: “Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải”, được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật này.

Khi Công an thành phố Thủ Đức đến khám xét nơi ở thì bị cáo Nguyễn L và bị cáo Nguyễn Trung H2 đã tự giác mang toàn bộ khối lượng chất ma túy mà mình cất giữ để giao nộp cho Công an. Do đó, đối với tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” thì hai bị cáo này được áp dụng tình tiết giảm nhẹ: “Người phạm tội tích cực hợp tác với Cơ quan có trách nhiệm trong việc phát hiện tội phạm hoặc trong quá trình giải quyết vụ án”, được quy định tại điểm t khoản 1 Điều 51 của Bộ luật này.

[4] Về áp dụng hình phạt:

Xét tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội do hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn L và bị cáo Nguyễn Ngọc Phương Q1 gây ra là đặc biệt nghiêm trọng, nó không những xâm phạm đến chính sách độc quyền của nhà nước về quản lý các chất gây nghiện, mà còn có khả năng gây ra những hậu quả khó lường cho xã hội, nếu như khối lượng các chất ma túy trên Cơ quan Công an không phát hiện thu giữ kịp thời. Bị cáo Nguyễn L đã 03 lần bị tòa án xử phạt tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” nên có điều kiện để nhận thức được sự tác hại của chất ma túy đối với xã hội và biết được chính sách hình sự của nhà nước là xử phạt rất nghiêm khắc đối với những người có hành vi sản xuất, mua bán, vận chuyển, tàng trữ chất trái phép chất ma túy. Nhận thức được vậy, nhưng sau khi hòa nhập với cộng đồng thì bị cáo không tiếp tục rèn luyện, phấn đấu để trở thành người công dân tốt, có ích cho xã hội, mà tiếp tục lao vào con đường phạm tội khi chưa được xóa án và phạm vào 02 tội có liên quan đến chất ma túy. Điều này chứng tỏ bị cáo là người khó cảm hóa, giáo dục, do đó hình phạt áp dụng đối với bị cáo cho cả hai tội phải nghiêm khắc, mới có tác dụng giáo dục đối với bị cáo và phòng chống loại tội phạm này trong giai đoạn hiện nay.

Bị cáo Nguyễn Ngọc Phương Q1 là người giúp sức tích cực cho bị cáo Nguyễn L thực hiện hành vi mua bán 71,95 gam chất ma túy, loại Methamphetamine, nên hình phạt áp dụng đối với bị cáo Q1 phải thấp hơn hình phạt áp dụng đối với bị cáo Nguyễn L về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

Hành vi của bị cáo Nguyễn Trung H2 là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến chính sách độc quyền của nhà nước về quản lý các chất gây nghiện. Song khối lượng chất ma túy mà bị cáo Nguyễn Trung H2 tàng trữ để sử dụng không nhiều, nên hình phạt áp dụng đối với bị cáo H2 ở mức thấp của khung hình phạt được áp dụng cho tương xứng với tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo và những tình tiết giảm nhẹ mà bị cáo được hưởng.

[5] Xét về hình phạt bổ sung:

Tại khoản 5 Điều 249 và khoản 5 Điều 251 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 còn quy định: “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng...”. Xét bị cáo Nguyễn L phạm vào 02 tội đều có quy định hình phạt bổ sung, nên cần phải áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền để tăng cường tính răn đe của pháp luật đối với bị cáo.

[6] Về biện pháp Tư pháp:

Nguyễn Chí T và Phan Quốc K chuyển vào tài khoản của bị cáo Nguyễn L 500.000 đồng để mua ma túy của L. Tuy T5 và K chưa nhận được ma túy của bị cáo L, nhưng đây là tiền dùng để phạm tội nên căn cứ điểm b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, buộc bị cáo L phải nộp để sung vào ngân sách nhà nước.

[7] Về xử lý vật chứng:

Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra thu giữ của Nguyễn L gồm:

- 01 gói giấy niêm phong; bên ngoài có chữ ký giám định viên Đại úy Phạm Huỳnh Minh T4 và cán bộ Nguyễn Thị Phương M (ký hiệu: 12039/(2346/23) G1, bên trong là ma túy còn lại sau giám định.

- 01 gói giấy niêm phong; bên ngoài có chữ ký giám định viên Đại úy Phạm Huỳnh Minh T4 và cán bộ Nguyễn Thị Phương M (ký hiệu: 12039/(2346/23) G2, bên trong là ma túy còn lại sau giám định.

- 01 hộp giấy bên ngoài có ghi chữ DAREU; 01 hộp bằng giấy hình chữ nhật ghi chữ “LUA” MONACO; 01 cân điện tử có in chữ POWER CR2032; 01 bộ dụng cụ để sử dụng ma túy tự chế bằng thủy tinh; 20 gói nylon rỗng; 01 nhíp bằng kim loại màu hồng; 02 kéo nhỏ bằng kim loại; 02 ống hút nhựa cắt nhọn 01 đầu.

Các vật chứng trên là vật cầm lưu trữ, lưu hành và vật có liên quan đến vụ án không có giá trị nên căn cứ điểm a, c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự tuyên tịch thu tiêu hủy.

- 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu đen, số Imei 1: 353164114037895, số Imei 2: 353164114537894, số thuê bao 0931478975 và 0902831823;

- 01 điện thoại di động hiệu Samsung S10+ màu đen, số Imei; 355410100893470, số thuê bao 0777740251 và 0929313129; L dùng để liên lạc mua bán trái phép chất ma túy;

Đây là công cụ, phương tiện mà bị cáo L sử dụng để mua bán ma túy, nên căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng tuyên tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra thu giữ của bị cáo Nguyễn Ngọc Phương Q101 điện thoại di động hiệu Iphone, màu xanh, số Imei: 359984543445052, số thuê bao 0979489498. Đây là công cụ, phương tiện mà bị cáo sử dụng để giúp cho bị cáo L thực hiện hành vi mua bán ma túy, nên tuyên tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra thu giữ của bị cáo Nguyễn Trung H2 gồm:

- 01 gói giấy niêm phong; bên ngoài có chữ ký giám định viên Đại úy Phạm Huỳnh Minh T4 và cán bộ Nguyễn Thị Phương M; ký hiệu: 12039/(2346/23) G3, bên trong là ma túy còn lại sau giám định.

- 01 hộp thiếc có dây kéo màu đỏ bên ngoài có ghi chữ Love;

- 01 bộ dụng cụ để sử dụng ma túy tự chế bằng nhựa.

Các vật chứng trên là vật cấm lưu trữ, lưu hành và có liên quan đến vụ án không có giá trị, nên căn cứ điểm a, c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự tuyên tịch thu tiêu hủy.

- 01 điện thoại di động hiệu Samsung màu đen, số imei: 353552/68/481728/4 số thuê bao 0946793354. Quá trình điều tra và tại phiên tòa không chứng minh được bị cáo H2 sử dụng chiếc điện thoại này để liên lạc với bị cáo L xin ma túy để sử dụng, nên tuyên trả lại cho bị cáo L.

[8] Nhận định trên cũng là lập luận của Hội đồng xét xử để chấp nhận toàn bộ ý kiến tranh luận của Đại diện Viện kiểm sát và chấp nhận một phần luận cứ bào chữa của các Luật sư.

[9] Về án phí: Mỗi bị cáo phải chịu tiền án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 3 Điều 251; điểm g khoản 2 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52; Điều 55 và Điều 38 của Bộ luật hình sự

năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Đối với tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” còn được áp dụng điểm t khoản 1 Điều 51 của Bộ luật này:

Xử phạt Nguyễn L 18 (Mười tám) năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” và 06 (sáu) năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo Nguyễn L phải chấp hành một hình phạt chung cho cả 02 tội là 24 (Hai mươi bốn) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giam (Ngày 27/10/2023).

Căn cứ khoản 5 Điều 249 và khoản 5 Điều 251 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017:

Phạt bổ sung đối với bị cáo Nguyễn L mỗi tội là 5.000.000 (Năm triệu đồng, tổng cộng là 10.000.000 (Mười triệu) đồng, để sung vào ngân sách nhà nước.

Căn cứ điểm b khoản 3 Điều 251, điểm s khoản 1 Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017:

Xử phạt Nguyễn Ngọc Phương Q1 15 (Mười lăm) năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giam (Ngày 27/10/2023).

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s, t khoản 1 và Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017:

Xử phạt Nguyễn Trung H2 01 (Một) năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giam (Ngày 27/10/2023).

Về biện pháp Tư pháp:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, buộc bị cáo Nguyễn L phải nộp 500.000 (Năm trăm nghìn) đồng, để sung vào ngân sách nhà nước.

Về xử lý vật chứng:

1/ Căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự, tuyên tịch thu, sung vào ngân sách nhà nước các vật chứng sau:

- 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu đen, số Imei 1: 353164114037895, số Imei 2: 353164114537894, số thuê bao 0931478975 và 0902831823; đã qua sử dụng (không kiểm tra số thuê bao do không có nguồn điện, không kiểm tra tình trạng máy móc bên trong).

- 01 điện thoại di động hiệu Iphone, màu xanh, số Imei: 359984543445052, số thuê bao 0979489498; đã qua sử dụng (thực nhận 01 điện thoại di động kiểu dáng Iphone, Imei khay sim: 359984543445052; không kiểm tra đời máy, imei, số thuê bao do không có nguồn điện, không kiểm tra tình trạng máy móc bên trong).

- 01 điện thoại di động hiệu Samsung S10+ màu đen, số Imei; 355410100893470, số thuê bao 0777740251 và 0929313129, đã qua sử dụng (màn hình bể, không kiểm tra đời máy, Imei, số thuê bao do không có nguồn điện, không kiểm tra tình trạng máy móc bên trong).

2/ Căn cứ điểm a, c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự, tuyên tịch thu, tiêu hủy các vật chứng sau:

- 01 gói giấy niêm phong; bên ngoài có chữ ký giám định viên Đại úy Phạm Huỳnh Minh T4 và cán bộ Nguyễn Thị Phương M (ký hiệu: 12039/(2346/23) G1, bên trong là ma túy còn lại sau giám định.

- 01 gói giấy niêm phong; bên ngoài có chữ ký giám định viên Đại úy Phạm Huỳnh Minh T4 và cán bộ Nguyễn Thị Phương M (ký hiệu: 12039/(2346/23) G2, bên trong là ma túy còn lại sau giám định.

- 01 gói giấy niêm phong; bên ngoài có chữ ký giám định viên Đại úy Phạm Huỳnh Minh T4 và cán bộ Nguyễn Thị Phương M; ký hiệu: 12039/(2346/23) G3, bên trong là ma túy còn lại sau giám định.

- 01 hộp giấy bên ngoài có ghi chữ DAREU; 01 hộp bằng giấy hình chữ nhật ghi chữ “LUA” MONACO bên trong không có gì; 01 bộ dụng cụ để sử dụng ma túy tự chế bằng thủy tinh; 20 vỏ gói nylon rỗng.

- 01 hộp thiếc có dây kéo màu đỏ bên ngoài có ghi chữ Love; 01 bộ dụng cụ để sử dụng ma túy tự chế bằng nhựa; 01 nhíp bằng kim loại màu hồng; 02 kéo nhỏ bằng kim loại; 02 ống hút nhựa cắt nhọn 01 đầu.

- 01 cân điện tử có in chữ POWER CR2032*1.

3/ Căn cứ điểm a, b khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự:

Tuyên trả lại cho bị cáo Nguyễn Trung H2 01 (Một) điện thoại di động hiệu Samsung màu đen, có số imei: 353552/68/481728/4 số thuê bao 0946793354; đã qua sử dụng (không kiểm tra đời máy, số thuê bao do không có nguồn điện, không kiểm tra tình trạng máy móc bên trong).

Các vật chứng đã nêu hiện đang được lưu giữ tại Cục thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh, theo biên bản giao nhận tang tài vật số NK2024/375 ngày 11/6/2024 được lập giữa Cục thi hành án Thành phố Hồ Chí Minh và PC04 – Công an Thành phố Hồ Chí Minh .

Về án phí:

Mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng, tiền án phí hình sự sơ thẩm, để sung vào ngân sách Nhà nước.

Về quyền kháng cáo:

Các bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (Ngày 12/8/2024).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết.

<u>Nơi nhận:</u>		TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
- TAND TC;	(1)	Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
- TAND cấp cao tại TP.HCM	(1)	
- VKSND TP.HCM;	(3)	
- Cục THADS TP.HCM;	(1)	
- Sở tư pháp TP.HCM;	(1)	
- Bị cáo;	(3)	
- Trại giam;	(1)	
- Người bào chữa;	(2)	Nguyễn Văn Hậu
- Đương sự;	(2)	
- THAHS TP.HCM;	(1)	
- Phòng PC53 - CA TP. HCM;	(1)	
- UBND phường/xã nơi bị cáo cư trú;	(1)	
- Lưu: VT, THS, hồ sơ. (22)	(4)	